

Bản án số: 26/2020/DS-ST
Ngày 07-8-2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vĩ Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Luân
2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST – DS ngày 31/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim Th, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: ấp 6, xã Bàu Đ, huyện GD, tỉnh TN.

Bị đơn:

1. Bà Phan Thị N, sinh năm: 1971.
 2. Anh Mai Trung Ng, sinh năm: 1990.
- Cùng địa chỉ: ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T.

Nguyên đơn bà Nguyễn Kim Th có mặt; Bị đơn: bà Phan Thị N và anh Mai Trung Ng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Kim Th trình bày: Do gần nhà bà N, biết bà N có làm chủ thảo hụi, đã ly hôn chồng và một mình nuôi con, thấy hoàn cảnh bà N khó khăn nên bà có cho bà N mượn vàng và vay số tiền cụ thể như sau:

Thứ nhất: Vào ngày 11-11-2017 (AI) bà cho bà N và anh Ng mượn 05 cây vàng SJC, có làm giấy mượn nhưng không thỏa thuận lãi suất, giữa hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng/tháng, thời hạn vay là 01 (một) năm, kể từ ngày mượn bà N và anh Ng có trả lãi được 02 (hai) tháng với số tiền tổng cộng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) sau đó không trả lãi nữa, đến thời gian trả nợ thì bà N và anh Ng nhiều lần hứa hẹn, nhưng đến nay vẫn chưa trả nợ gốc.

Thứ hai: Vào khoảng đầu năm 2018 bà tiếp tục cho bà N vay nhiều lần tiền cụ thể mỗi lần mượn số tiền từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng trở lên, có lần mượn số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, khi vay mượn giữa các bên không làm giấy mượn, đến ngày 04-8-2018 (DI) bà Ngoãn chốt số nợ với bà là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Để làm tin bà N có viết “giấy cam kết” và giao cho bà cất giữ. Trong giấy cam kết có thỏa thuận hình thức trả tiền hàng tháng là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng/tháng cho đến khi dứt số nợ gốc; kể từ ngày cam kết đến nay bà N có trả cho bà tổng số tiền là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng, còn nợ lại 235.000.000 (hai trăm ba mươi lăm ngàn) đồng.

Thứ ba: Tại đơn kiện ngày 24/4/2020 bà có trình bày là: ngày 13-10-2018 bà N tiếp tục vay số tiền 87.000.000 (tám mươi bảy triệu) đồng, không thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận hình thức trả là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng/ngày hoặc 6.000.000 (sáu triệu) đồng/tháng. Hai bên thống nhất và ghi xác nhận vào mặt sau giấy nợ (ngày 04/8/2018). Sau đó bà N có trả cho bà được tổng số tiền là 15.700.000 (Mười lăm triệu bảy trăm ngàn) đồng. Do tính toán có sự nhầm lẫn, nay bà xin xác định lại là bà N có trả cho bà số tiền là: 27.900.000 (hai mươi bảy triệu chín trăm ngàn) đồng. Vì vậy bà N còn nợ lại phần này là: 59.100.000 (năm mươi chín triệu một trăm ngàn) đồng.

Đến ngày 16-4-2020 (AI) giữa bà và bà N có làm “Văn bản thỏa thuận” chốt lại số tiền vay tổng cộng bà N còn nợ bà số tiền là 295.000.000 (hai trăm chín mươi lăm triệu) đồng, do có sự sai sót khi tính toán giữa hai bên nên nay bà xác định lại số tiền chốt nợ vào ngày 16/4/2020 là 294.100.000 (Hai trăm chín mươi bốn triệu một trăm ngàn) đồng, chứ không phải 295.000.000 (hai trăm chín mươi lăm triệu) đồng như giấy nợ ngày 16-4-2020 đã ghi.

Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2020 bà yêu cầu bà N và anh Ng có trách nhiệm trả lại cho bà 05 cây vàng SJC (trị giá thành tiền tại thời điểm khởi kiện 5 cây vàng SJC có giá trị là 225.000.000 đồng) và số tiền nợ vay là 306.300.000 đồng. Tổng cộng là: 531.300.000 đồng (Năm trăm ba mươi một triệu ba trăm ngàn đồng). Quá trình làm việc tại Tòa án bà phát hiện bà tính toán sai.

Vì vậy nay bà xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Đối với số tiền nợ vay bà chỉ yêu cầu khởi kiện một mình bà N có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền nợ là: 294.100.000 (hai trăm chín mươi bốn triệu một trăm ngàn) đồng, bà không có yêu cầu anh Ng cùng trả nợ, và bà cũng không có yêu cầu tính tiền lãi suất.

Đối với số nợ 05 cây vàng SJC bà yêu cầu bà N và anh Ng có trách nhiệm cùng trả nợ cho bà, bà yêu cầu mượn vàng phải trả bằng vàng, bà không có yêu cầu tính lãi suất, ngoài ra cũng không còn yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16-6-2020 bị đơn bà Phan Thị N trình bày: Bà N thống nhất với lời trình bày của bà Th về thời gian vay tiền và vàng tất cả đều đúng; bà thừa nhận hiện còn nợ bà Th 05 cây vàng SJC và số tiền vay tổng cộng là 294.100.000 (hai trăm chín mươi bốn triệu một trăm ngàn) đồng, khi vay mượn vàng và tiền giữa bà và bà Th có làm giấy tay làm tin, có thỏa thuận thời gian trả nợ, không thỏa thuận lãi suất trong giấy mượn nhưng hai bên có thỏa thuận bằng miệng lãi suất vay 05 cây vàng SJC mỗi tháng đóng lãi là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, bà đã đóng được 09 tháng, sau đó thì ngưng không đóng lãi nữa; đối với số tiền nợ vay thì hai bên thỏa thuận đóng lãi suất mỗi tháng là 10%/tháng, bà đóng một thời gian thì ngưng đóng lãi và không nhớ đã đóng được bao nhiêu lần và số tiền là bao nhiêu, do khó khăn về kinh tế nên hiện bà chưa trả được số nợ nêu trên cho bà Th.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu bà trả nợ như đã nêu, bà thống nhất thừa nhận nợ và đồng ý một mình bà sẽ trả bao gồm 05 cây vàng SJC và số tiền nợ vay là 294.100.000 (hai trăm chín mươi bốn triệu một trăm ngàn) đồng cho bà Th vì bà cho rằng tất cả số nợ này chỉ một mình bà vay mượn của bà Th không liên quan đến con trai bà là anh Ng nên bà yêu cầu Tòa án để một mình bà trả nợ. Đối với số tiền lãi suất bà đã đóng cho bà Th trước đây bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 03-8-2020 bị đơn ông Mai Trung Ng trình bày: Bà Th yêu cầu anh cùng mẹ là bà N có trách nhiệm cùng trả số vàng đã mượn là 05 cây vàng SJC, anh không đồng ý trả cho bà Th; bởi vì việc vay mượn tiền và vàng là mẹ anh tự một mình vay mượn, không liên quan đến anh, cụ thể: Ngày 11/11/2017 (AL) mẹ anh là bà N đến nhà bà Th vay 05 cây vàng SJC không có mặt của anh, đến khoảng 03 (ba) ngày sau bà Th có tìm anh và đề nghị anh ký bổ sung vào giấy vay vàng mà mẹ anh bà N ký trước đó, anh đồng ý ký theo yêu cầu của bà Th để làm tin, chứ anh không phải ký để anh cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà Th; vì vậy nay anh không đồng ý trả theo yêu cầu của bà Th mà trách nhiệm trả nợ thuộc về mẹ anh là bà N.

Đại diện Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

- Ghi nhận bà Th rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với số tiền 12.200.000 (Mười hai triệu hai trăm ngàn) đồng theo quy định tại Điều 217 và 219 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà N có trách nhiệm trả 05 cây vàng SJC và buộc bà N có trách nhiệm trả số tiền vay là: 294.100.000 đồng cho bà Th;

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu anh Ng và bà N cùng có trách nhiệm trả 05 cây vàng SJC cho bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Phan Thị N và anh Mai Trung Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn sự theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Th yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay là 12.200.000 (Mười hai triệu hai trăm ngàn) đồng; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th theo quy định tại Điều 217 và 219 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Nguyên đơn bà Th yêu cầu khởi kiện một mình bà N có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền nợ vay tổng cộng là: 294.100.000 (hai trăm chín mươi bốn triệu một trăm ngàn) đồng, bà không có yêu cầu anh Ng phải liên đới cùng trả nợ, và bà cũng không có yêu cầu tính tiền lãi suất. Bà N thừa nhận nợ và đồng ý trả số tiền 294.100.000 (hai trăm chín mươi bốn triệu một trăm ngàn) đồng cho bà Th.

[3.2] Đối với số nợ 05 cây vàng SJC bà Th yêu cầu bà N cùng anh Ng có trách nhiệm cùng trả số vàng trên. Anh Ng không thừa nhận nợ anh cho rằng đây là nợ riêng của mẹ anh là bà N đối với bà Th, bà N cũng cho rằng đây là nợ riêng của bà với bà Th vì vậy bà N đồng ý một mình trả cho bà Th 05 cây vàng SJC.

Xét thấy: Tại “Giấy mượn vàng” ký ngày 11-11-2017 (AL), nội dung thể hiện bà Ngoãn có mượn bà Th 05 cây vàng SJC, không thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận thời hạn trả vàng là sau 01 (một) năm, có chữ ký xác nhận của bà N và anh Ng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N thừa nhận chữ ký trong giấy mượn vàng ngày 11-11-2017 (AL) là của bà và anh Ng là đúng, bà thừa nhận nợ và đồng ý trả 05 cây vàng SJC cho bà Th. Quá trình giải quyết vụ án anh Ng không đến Tòa án dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến, gây khó khăn trong công tác thu thập chứng cứ; Đến ngày 03/8/2020 anh Ng có gửi đơn xin vắng mặt và bản tự khai với nội dung không đồng ý liên đới cùng bà N trả 05 cây vàng SJC cho bà Th, anh Ng thừa nhận có biết mẹ mình là bà N có mượn 05 cây vàng SJC của bà Th và khi bà Th yêu cầu anh Ng ký tên vào giấy mượn vàng thì anh Ng đồng ý ký tên để làm tin, nhưng không ghi rõ nội dung ký để làm gì. Xét thấy hiện tại bà N đã ly hôn chồng (vào năm 2005) hiện đang sinh sống cùng anh Ng, bà mượn vàng của bà Th mục đích làm hui, trang trải cho sinh hoạt gia đình chung giữa bà và anh Ng, việc bà N mượn vàng của bà Th anh Ng thừa nhận có biết và đồng ý ký tên vào giấy mượn vàng cùng mẹ ruột là bà N mục đích cho bà Th tin tưởng, anh Ng có quyền từ chối không ký tên vào giấy mượn vàng nhưng anh không từ chối mà anh chấp nhận ký tên cùng mẹ là bà N ký để mượn 05 cây vàng SJC của bà Th; Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th là có căn cứ và cần buộc bị đơn là bà N cùng anh Ng có trách nhiệm cùng trả cho bà Th 05 cây

vàng SJC (Đối với 05 cây vàng SJC tại thời điểm xét xử tương ứng số tiền là: 307.000.000 (ba trăm lẻ bảy triệu) đồng để tính án phí) phù hợp theo quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đối với số tiền vay buộc bà N có trách nhiệm trả cho bà Th 294.100.000 (hai trăm chín mươi bốn triệu một trăm ngàn) đồng là có căn cứ nên chấp nhận; Đối với số vàng chỉ buộc một mình bà N có trách nhiệm trả 05 cây vàng SJC cho bà Th mà không buộc anh Ng cùng trả 05 cây vàng SJC cho bà Th là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị N và anh Mai Trung Ng cùng phải chịu: 15.350.000 (mười lăm triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm; Riêng bà Phan Thị N phải chịu thêm: 14.705.000 (mười bốn triệu bảy trăm lẻ năm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 217, 219, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Th đối với bà Phan Thị N và anh Mai Trung Ng về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”;

- Buộc bà Phan Thị N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim Th số tiền 294.100.000 (hai trăm chín mươi bốn triệu một trăm ngàn) đồng.

- Buộc bà Phan Thị N và anh Mai Trung Ng có nghĩa vụ cùng trả cho bà Nguyễn Kim Th 05 cây vàng SJC.

Ghi nhận bà Th không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Th đối với số tiền 12.200.000 (Mười hai triệu hai trăm ngàn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phan Thị N và anh Mai Trung Ng phải chịu: 15.350.000 (mười lăm triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm; Riêng bà Phan Thị N phải chịu thêm: 14.705.000 (mười bốn triệu bảy trăm lẻ năm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà N, anh Ng vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Lê